

Số: /TTr-UBND

Tủa Chùa, ngày tháng 7 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Ban hành Nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Tủa Chùa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tủa Chùa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 01/01/2021 của Huyện ủy Tủa Chùa về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025;

Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tủa Chùa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chính sách phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, thực hiện kế hoạch tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và đạt được nhiều kết quả quan trọng: Tổng diện tích cây lương thực có hạt toàn huyện năm 2020 đạt 9.640 ha, sản lượng đạt 26.733,44 tấn, tăng 5.821,84 tấn so với năm 2015, lương thực bình quân đạt 434 kg/người/năm; toàn huyện có 595,89 ha chè, sản lượng chè búp tươi đạt 68 tấn; đàn gia súc có 82.615 con, đàn gia cầm đạt 254.813 con; diện tích thủy sản đạt 70 ha, sản lượng đạt 124,4 tấn; tỷ lệ che phủ rừng đạt 38%; toàn huyện có 83 công trình thủy lợi vừa và nhỏ, tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương đạt 80% cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; đã từng bước hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung như: chè, cây rau củ quả, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chăn nuôi gia súc...; toàn huyện có 10 HTX, 01 doanh nghiệp hoạt động lĩnh

vực sản xuất, chế biến, cung cấp dịch vụ nông nghiệp; có 04 sản phẩm OCOP được tỉnh công nhận góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển theo hướng sản phẩm hàng hóa, đảm bảo an ninh lương thực, giúp xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân và phát triển kinh tế - xã hội. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tích cực, đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới; kết cấu hạ tầng xã hội được đầu tư, nâng cấp; đã hình thành nhiều mô hình sản xuất mới trong nông thôn, đời sống nhân dân được nâng lên; an ninh trật tự xã hội được đảm bảo, hệ thống chính trị được củng cố; tích cực vận động người dân tự nguyện đóng góp để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn trên cơ sở nhà nước và nhân dân cùng làm, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Năm 2020, có 04 xã (Mường Báng, Tủa Thành, Mường Đun, Sính Phình) cơ bản hoàn thành 10-13 tiêu chí; 07 xã còn lại cơ bản hoàn thành từ 6-9 tiêu chí (đạt bình quân 9,36 tiêu chí/một xã).

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp chưa đạt mục tiêu và chưa thực sự bền vững; phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Sản xuất nông nghiệp còn phân tán, manh mún, quy mô vùng nguyên liệu nhỏ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển hàng hóa; sản phẩm hàng hóa có giá trị và thương hiệu còn ít; thu nhập của người nông dân còn thấp. Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất còn chậm và chưa đồng bộ, nhất là công nghệ thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm sau thu hoạch, dẫn đến giá trị gia tăng thấp. Chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã hình thành nhưng quy mô còn nhỏ, chưa bền vững; các hình thức tổ chức sản xuất thiếu chặt chẽ, hiệu quả hoạt động chưa cao. Việc rà soát, đánh giá, nhân rộng các mô hình khuyến nông, mô hình sản xuất hiệu quả theo tiêu chuẩn nông nghiệp an toàn, hữu cơ còn hạn chế. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng còn nhiều khó khăn, bất cập; chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh về phát triển kinh tế lâm nghiệp. Số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả theo đúng Luật Hợp tác xã năm 2012 còn ít, hiệu quả thấp. Xây dựng nông thôn mới còn chưa đạt mục tiêu đề ra.

Từ cơ sở thực tiễn trên, UBND huyện nhận thấy để phát huy các kết quả đã đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, thì việc thông qua Nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025 là cần thiết, để khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, gắn sản xuất nông, lâm nghiệp với thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của huyện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, theo liên kết bền vững, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố và giữ vững ổn định chính trị của huyện và hội nhập quốc tế.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Mục tiêu

1.1. Đảm bảo an ninh lương thực; duy trì ổn định, không ngừng nâng cao năng suất, sản lượng lương thực tại các vùng sản xuất trọng điểm với trên 560 ha lúa 2 vụ, 2.030 ha lúa 01 vụ. Tập trung tại các cánh đồng lớn Thị trấn Tòa Chùa và các xã Mường Báng, Tòa Thành, Mường Đun, Xá Nhè, Tả Phìn. Đến năm 2025, tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 28.000 tấn.

1.2. Bảo vệ và chăm sóc diện tích chè hiện có 595,89 ha, trong đó quan tâm bảo vệ 7.900 cây chè cao cổ thụ; phân đầu phát triển vùng chè theo chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm; trồng mới 1,5 vạn cây chè Shan tuyết trở lên tập trung tại địa bàn các xã phía Bắc; phân đầu đến năm 2025, sản lượng chè thương phẩm đạt trên 25 tấn.

1.3. Chú trọng phát triển làm rõ các vùng sản xuất theo hướng chuyên canh tập trung tạo nguồn nguyên liệu ổn định, đáp ứng nhu cầu chế biến, gắn kết hình thành các chuỗi giá trị liên kết và tiêu thụ sản phẩm. Tập trung phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, phân đầu tăng trưởng đàn gia súc trung bình 3-4%/năm. Phát triển thủy sản tại địa bàn các xã vùng thấp, khai thác lợi thế của vùng lòng hồ thủy điện Sơn La; phân đầu đến năm 2025, diện tích nuôi thủy sản đạt trên 80 ha, sản lượng thủy sản đạt 155 tấn/năm trở lên.

1.4. Tập trung bảo vệ diện tích rừng hiện có 25.997 ha và diện tích rừng tăng thêm hàng năm, khoanh nuôi tái sinh mỗi năm trên 200 ha, chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng trồng chuyên tiếp. Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng đạt 40% trở lên.

1.5. Phân đầu đến năm 2025, trung bình mỗi xã có ít nhất 01 sản phẩm OCOP, 01 hợp tác xã hoặc tổ hợp tác dịch vụ nông nghiệp.

1.6. Phân đầu đến năm 2025, có 03/11 xã cơ bản đạt chuẩn và đạt chuẩn nông thôn mới (Mường Báng, Mường Đun, Tòa Thành); các xã còn lại bình quân đạt từ 12/19 tiêu chí trở lên; có 30% số thôn bản đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với cơ cấu lại sản xuất

2.1.1. Trồng trọt

Phát triển sản xuất lương thực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; quản lý, bảo vệ tốt diện tích đất sản xuất lúa 2 vụ; giảm dần diện tích lúa nương để chuyển đổi sang trồng cây ăn quả, cây mắc ca, trồng cây thức ăn chăn nuôi, khoanh nuôi tái sinh rừng. Tăng cường áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến, giống mới, cơ giới hóa; mở rộng diện tích sản xuất an toàn, giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học thay thế bằng các chế phẩm vi sinh, hữu cơ; thực hiện tốt công tác bảo vệ thực vật; chú trọng các khâu sơ chế, bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

Tập trung phát triển các cây trồng chủ lực có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng lớn theo chuỗi liên kết giá trị. Xây dựng vùng sản xuất chè liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ dân theo tiêu chuẩn VietGap, Organic hữu cơ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu tại huyện với quy mô khoảng trên 100 ha, khai thác gắn với bảo tồn trên 7.900 cây chè cổ thụ hiện có, vạn

động, tổ chức gieo ươm trồng bổ sung tối thiểu 1,5 vạn cây chè Shan tuyết bản địa tại các xã vùng chè. Từng bước chuyển đổi một số diện tích lúa, ngô trên nương kém hiệu quả sang trồng cây có giá trị kinh tế cao hơn trên 400 ha. Rà soát xác định diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ chưa có rừng để kêu gọi các nhà đầu tư vào đầu tư phát triển cây Mắc ca với quy mô 2.000 ha theo hướng liên kết sản xuất hàng hóa để nâng cao đời sống thu nhập cho người dân.

2.1.2. Chăn nuôi

Đẩy mạnh chuyển đổi phương thức chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi theo hướng bán chăn thả, nuôi nhốt, trang trại, gia trại... gắn với trồng cỏ, ngô sinh khối theo hướng hàng hóa, áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học và kiểm soát tốt dịch bệnh. Chú trọng bảo tồn, phát triển các giống vật nuôi bản địa như trâu, bò, ngựa, gia cầm địa phương tạo các sản phẩm đặc sản có chất lượng, giá trị cao phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển chợ buôn bán gia súc tại các xã phía Bắc đẩy mạnh giao thương trên địa bàn.

Phát triển mạnh đàn gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa ở những địa phương có lợi thế, phù hợp; chú trọng công tác chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc sản, lợi thế trong chăn nuôi. Thành lập HTX chăn nuôi gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, phát triển sản phẩm OCOP địa phương.

2.1.3. Thủy sản

Tận dụng tối đa diện tích mặt nước hiện có và mở rộng diện tích mặt nước nuôi cá thịt truyền thống tại các ao, hồ chứa thủy lợi, thủy điện; phát triển nuôi thâm canh các loài thủy sản truyền thống để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng thị trường trong và ngoài huyện; đẩy mạnh nuôi cá lồng tại vùng ngập lòng hồ Sông Đà gắn với du lịch dịch vụ trên sông; thí điểm nhân rộng các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao tăng thu nhập kinh tế hộ dân.

2.1.4. Lâm nghiệp

Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng; khoanh nuôi tái sinh để tăng thêm diện tích rừng; tập trung giao đất, giao rừng, thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng để hưởng chi trả dịch vụ môi trường rừng. Ưu tiên sử dụng ngân sách Nhà nước cho khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, trồng cây phân tán để nâng cao tỷ lệ che phủ rừng. Chú trọng công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, theo dõi diễn biến rừng. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và từng bước khai thác hiệu quả các giá trị của rừng; trồng xen, trồng dưới tán rừng bằng một số cây dược liệu phù hợp để vừa nâng cao thu nhập và nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng của người dân.

Tăng cường công tác bảo vệ, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh, làm giàu rừng đối với những diện tích rừng đã giao cho chủ quản lý nhằm nâng cao trữ lượng rừng tự nhiên theo hướng bền vững. Tập trung khắc phục diện tích rừng trồng thay thế chưa thành rừng, chăm sóc bảo vệ diện tích rừng trồng chuyển tiếp hiện nay thành rừng để người dân được hưởng chính sách hỗ trợ chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2.1.5. Bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm

Tăng cường phát triển công nghiệp bảo quản sau thu hoạch, sơ chế, chế biến các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh. Quan tâm, thúc đẩy việc đầu tư về mẫu mã, tem mác, bao bì sản phẩm gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu nông sản chủ lực, đặc sản của huyện, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút, kêu gọi doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản hàng hóa của huyện; hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, người dân tiếp cận thông tin về thị trường, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm để định hướng sản xuất.

2.1.6. Phát triển kinh tế tập thể

Hỗ trợ, khuyến khích phát triển và nhân rộng các hợp tác xã sản xuất, hoạt động hiệu quả; chuyển đổi mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn. Quan tâm đổi mới, đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể trong sản xuất nông, lâm nghiệp (các Hợp tác xã, Tổ hợp tác) để các tổ chức này thực sự là cầu nối hiệu quả trong liên kết giữa người dân và doanh nghiệp trong trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản hàng hóa, đưa kinh tế tập thể trở thành thành phần kinh tế có vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, góp phần cải thiện bộ mặt nông nghiệp, nông thôn.

2.2. Phát triển hàng hóa đối với một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực

2.2.1. Tập trung phát triển cây ngắn ngày, cây dược liệu dưới tán rừng, cây Mắc ca theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, bền vững

Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang các loại cây trồng ngắn ngày nhanh cho hiệu quả mang tính lợi thế, đặc sản của địa phương như khoai sọ, đậu đỏ, chanh leo, su su... theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, bền vững gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm ở những vùng có tiềm năng, lợi thế; ưu tiên khuyến khích sản xuất theo hướng hữu cơ, cung cấp sản phẩm chất lượng tốt, ứng dụng cơ giới hóa, công nghệ cao vào sản xuất.

Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng phù hợp theo vùng, xã trọng điểm, tập trung để hình thành các vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất và chế biến. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về nguồn giống đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, chủng loại giống; áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, phân bón, quy trình chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm.

Kêu gọi và tạo điều kiện tốt nhất cho các Doanh nghiệp, nhà đầu tư vào đầu tư trồng cây Mắc ca trên diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ chưa có rừng và đất nương rẫy kém hiệu quả bằng nhiều hình thức, tập trung vào việc Doanh nghiệp thỏa thuận theo hình thức liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm cho người dân để trồng Mắc ca trên cơ sở các dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt qua đó tạo công ăn, việc làm cho người dân, từng bước nâng cao đời sống thu nhập cho người dân.

Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến thương mại các mặt hàng nông sản trên địa bàn; hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác xây dựng thương hiệu; phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ,

nhất là gắn với điểm dừng chân, du lịch, chợ trung tâm, nhà hàng...; tăng cường quảng bá, xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu sản phẩm, sản phẩm OCOP... cho các loại nông sản chủ lực, lợi thế của địa phương.

2.2.2. Phát triển cây chè theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, bền vững

Tiếp tục duy trì, bảo tồn, chăm sóc và khai thác hiệu quả diện tích chè cây cao và diện tích chè trồng tập trung tại các xã phía Bắc, áp dụng kỹ thuật thâm canh, cải tạo cây chè ở những nơi có điều kiện theo hướng sản xuất hữu cơ để nâng cao giá trị, tăng năng suất và đảm bảo chất lượng chè xuất bán.

Chọn lọc các vùng trồng tập trung, chuyên canh gắn với phát triển công nghiệp chế biến; áp dụng tiến bộ công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm nâng cao giá trị sản phẩm; thúc đẩy liên kết vùng nguyên liệu với các cơ sở, nhà máy chế biến sâu để tạo nguồn hàng đảm bảo ổn định về chất lượng và số lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng chỉ dẫn địa lý cho thương hiệu chè Shan Tuyết Tủa Chùa; tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm chè đạt chứng nhận OCOP.

2.2.3. Phát triển bền vững chăn nuôi gia súc, gia cầm

Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa; chọn lọc, cải tạo giống địa phương và nâng cao năng suất, chất lượng; tiếp tục duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hướng chăn nuôi gia trại có kiểm soát, an toàn sinh học và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Thực hiện chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa và cây trồng hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn cho chăn nuôi gia súc. Xây dựng, phát triển các mô hình trồng cỏ thâm canh, trồng ngô sinh khối, thu gom rơm rạ và các phế phụ phẩm khác trong nông nghiệp chế biến, dự trữ làm thức ăn cho gia súc.

Thực hiện kiểm soát tốt môi trường và dịch bệnh trong chăn nuôi. Khuyến khích đầu tư nâng cấp, xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung, chế biến, bảo quản sản phẩm chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường, đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

2.3. Xây dựng nông thôn mới

Xây dựng kế hoạch, giải pháp chỉ đạo cụ thể đối với các xã, thôn, bản phấn đấu đạt chuẩn theo lộ trình hàng năm. Ưu tiên hỗ trợ nguồn lực cho các xã, thôn, bản đăng ký đạt chuẩn theo kế hoạch hàng năm và các xã có số tiêu chí đạt thấp.

Huy động các nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu khu vực nông thôn, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, hệ thống điện... Sử dụng có hiệu quả vốn Trung ương hỗ trợ hàng năm cho phát triển sản xuất để xây dựng và nhân rộng các mô hình, dự án phát triển kinh tế hộ gia đình.

Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, vận động khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký sản xuất, đa dạng sản phẩm, mở rộng kinh doanh đối với

các phẩm có tiềm năng phát triển sản phẩm OCOP như sản phẩm từ chè, khoai sọ, gạo... để tạo động lực giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo.

3. Kinh phí thực hiện: Tổng nhu cầu vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 435 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách Nhà nước: 155 tỷ đồng;
- Vốn huy động từ cộng đồng, tín dụng, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác: 280 tỷ đồng.

(có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện:

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện cụ thể hóa, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, nếu có vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát và tuyên truyền, động viên các tầng lớp Nhân dân thực hiện thành công Nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình ban hành Nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện. Ủy ban nhân dân huyện Tủa Chùa trình Hội đồng nhân dân huyện khóa XXI, kỳ họp thứ hai xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Tuyết Ban